BÁO CÁO VĨ MÔ

T10/2026

Tăng trưởng tiếp tục khởi sắc vào giai đoạn cuối năm

Thông tin liên hệ: research@kafi.vn

Sức khỏe nền kinh tế

PMI sản xuất

52.3 điểm

T9: 51.9 điểm

Tăng trưởng bán lẻ, dịch vụ *

6,618.9 Nghìn tỷ đồng

+13.5% YoY

Đầu tư công *

708,567 Tỷ đồng

+44.3% YoY

Lạm phát

+5.09 %YoY

T9: +5.08 %YoY

Giao thương quốc tế

FDI thực hiện *

24.1 Tỷ USD

+13.1% YoY

FDI đăng ký *

54.9 Tỷ USD

+74.0% YoY

Kim ngạch XNK *

1010.6 Tỷ USD

+32.3% YoY

Tỷ giá USDVND

25,802

-0.7% MoM

Thị trường vốn

Tăng trưởng tín dụng

12.59 %YTD

Cấu phần vĩ mô lấy dữ liệu lũy kế*

Thông tin liên hệ: research@kafi.vn

Tổng quan tình hình kinh tế xã hội Việt Nam trong tháng 10 năm 2026

Chủ đề	Nội dung	Trọng điểm
Sức khỏe nền kinh tế	**Các chỉ tiêu tăng trưởng tiếp tục cho thấy diễn biến tích cực**	Hoạt động sản xuất và tiêu dùng tiếp tục mở rộng trong tháng 10. Chỉ số IIP tăng 15,0% YoY, PMI tăng trở lại lên 52,3 điểm, trong khi doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 14,7% YoY, cho thấy cầu nội địa vẫn là bệ đỡ quan trọng cho tăng trưởng.
Lạm phát	**CPI tiếp tục neo cao, nhưng đà tăng theo tháng đã chậm lại**	CPI tháng 10 tăng 0,20% MoM và 5,09% YoY. Áp lực giá vẫn hiện hữu, song mức tăng theo tháng đã giảm đáng kể so với tháng 9, phản ánh đà tăng giá đã bớt nóng hơn trên nền tháng.
Đầu tư	**Đầu tư công và FDI tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng**	Giải ngân đầu tư công tiếp tục được đẩy nhanh, đưa lũy kế từ đầu năm lên khoảng 708,6 nghìn tỷ đồng, tương đương 74,1% kế hoạch năm. Cùng với đó, FDI đăng ký và giải ngân vẫn duy trì mức tăng tích cực, cho thấy niềm tin đầu tư đối với nền kinh tế chưa suy giảm.
Giao thương quốc tế	**Hoạt động thương mại là điểm nhấn nổi bật nhất trong tháng**	Xuất khẩu tăng tốc lên 64,67 tỷ USD, trong khi nhập khẩu giảm về 57,36 tỷ USD, qua đó đưa cán cân thương mại ghi nhận mức xuất siêu 7,31 tỷ USD. Đây là tháng thặng dư lớn nhất từ đầu năm và góp phần thu hẹp đáng kể mức nhập siêu lũy kế.
Tỷ giá	**Áp lực tỷ giá tiếp tục hạ nhiệt**	USDVND giảm về 25.980 tại Vietcombank và khoảng 25.802 trên thị trường liên ngân hàng, nhờ cán cân thương mại cải thiện mạnh và dòng vốn FDI giải ngân tích cực, qua đó giúp giảm bớt áp lực lên thị trường ngoại hối.
Đánh giá	**Bức tranh vĩ mô tháng 10 tiếp tục nghiêng theo hướng tích cực khi sản xuất, tiêu dùng, đầu tư công và FDI cùng duy trì đà mở rộng. Dù CPI vẫn neo trên ngưỡng 5% so với cùng kỳ, áp lực tăng giá theo tháng đã chậm lại. Điểm nhấn lớn nhất trong tháng nằm ở hoạt động thương mại, khi xuất khẩu tăng tốc và ghi nhận mức thặng dư lớn, qua đó góp phần thu hẹp mức độ thâm hụt lũy kế từ đầu năm và hỗ trợ cho sự ổn định của tỷ giá.**	

Thông tin liên hệ: research@kafi.vn

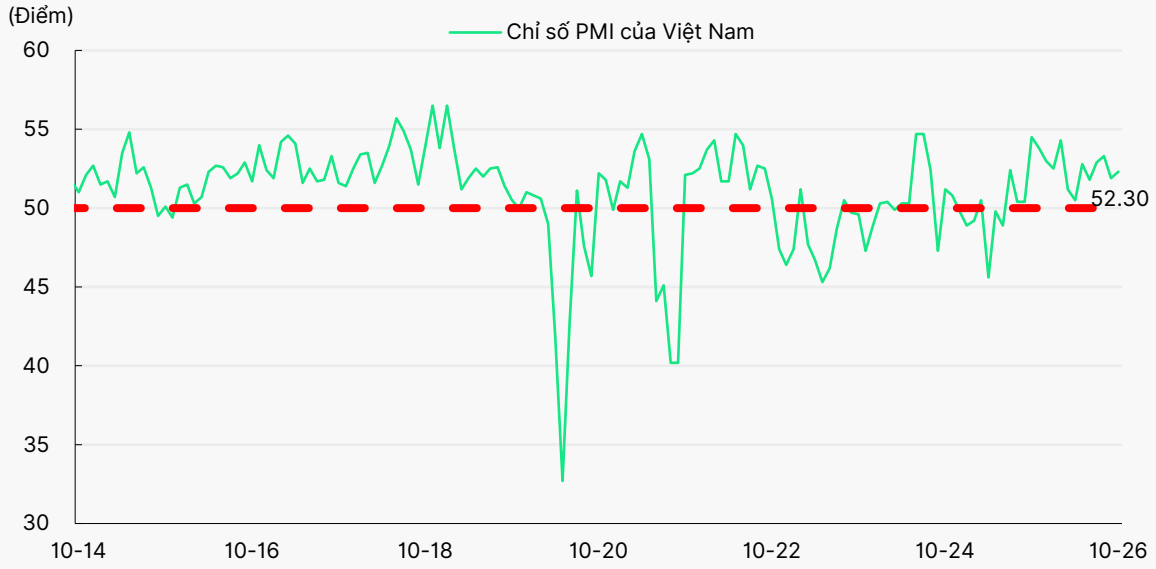
Khu vực sản xuất

Hoạt động sản xuất tiếp tục mở rộng, dù tốc độ đã chậm lại

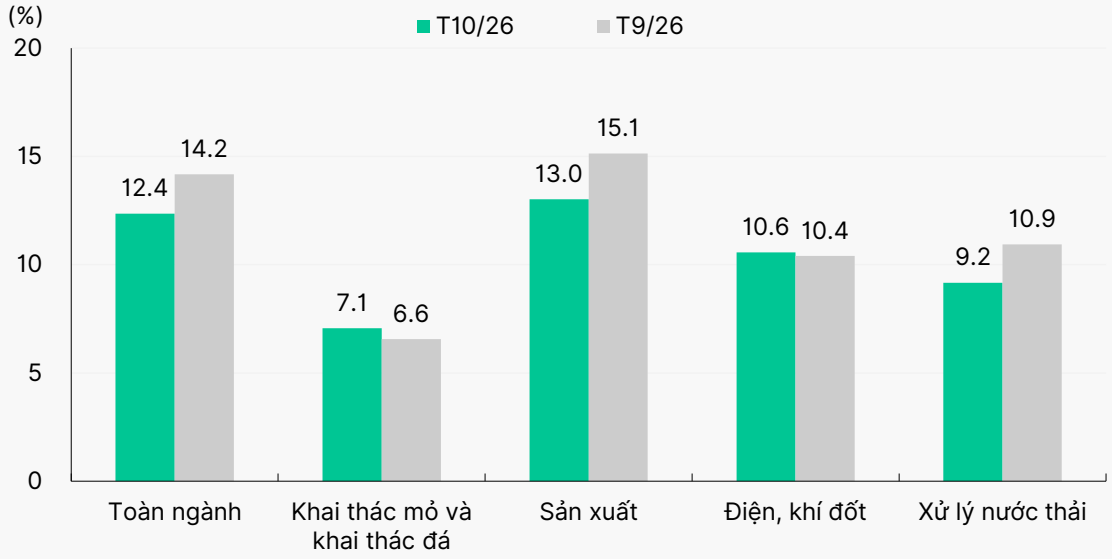
Hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục được mở rộng trong tháng 10, tuy nhiên tốc độ đã chậm lại so với tháng trước. Cụ thể, chỉ số IIP ghi nhận mức tăng 15,0% so với cùng kỳ và 2,3% so với tháng trước, đưa mức tăng lũy kế 10 tháng lên 12,4% so với cùng kỳ. Trong đó, lĩnh vực chế biến, chế tạo tăng 13,0% và tiếp tục là cấu phần đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng sản xuất công nghiệp.

Cùng với đó, chỉ số PMI sản xuất tăng trở lại lên 52,3 điểm từ mức 51,9 điểm trong tháng 9 và tiếp tục nằm trên ngưỡng 50. Diễn biến này cho thấy điều kiện kinh doanh trong khu vực sản xuất vẫn được cải thiện, qua đó phần nào củng cố triển vọng của hoạt động công nghiệp trong những tháng cuối năm dù mức tăng của IIP đã chậm lại so với tháng trước.

Chỉ số PMI của Việt Nam
| Đơn vị: Điểm - Nguồn: S&P Global, Kafi Research



Tăng trưởng các ngành công nghiệp trong T10/2026
| Đơn vị: % – Nguồn: NSO, Kafi Research



Thông tin liên hệ: research@kafi.vn

Tình hình bán lẻ

Lực cầu cải thiện trở lại trước giai đoạn cao điểm cuối năm

Hoạt động bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng ghi nhận sự cải thiện trong tháng 10 khi tổng doanh số bán lẻ tăng 14,7% so với cùng kỳ, cao hơn mức 13,7% của tháng trước. Lũy kế 10 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt khoảng 6,6 triệu tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ, cho thấy sức cầu trong nước vẫn giữ được nhịp tăng tương đối tốt khi bước vào những tháng cuối năm.

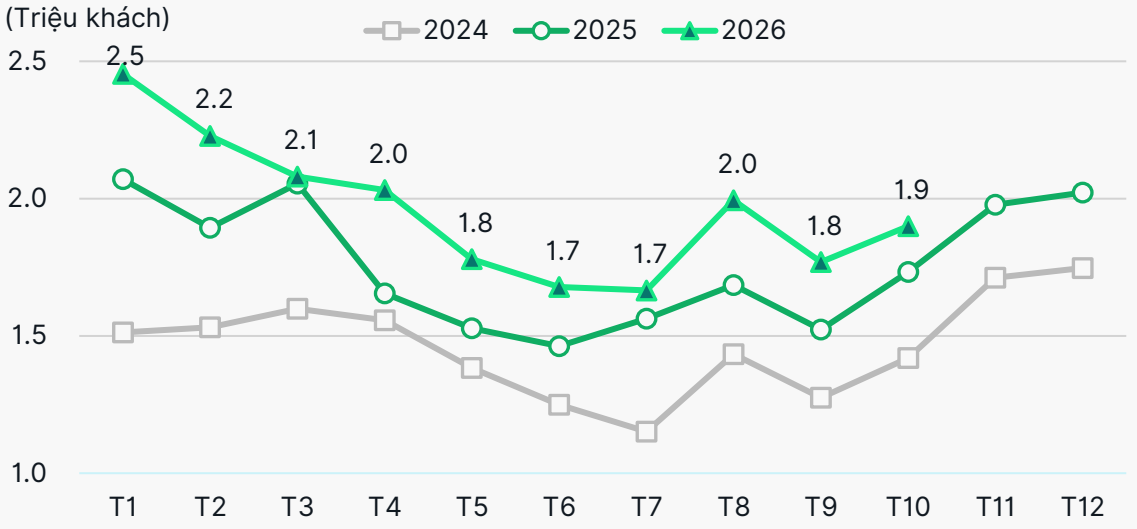
Xét theo từng nhóm, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 13,7% so với cùng kỳ, trong khi lưu trú và ăn uống tăng 19,5% và du lịch lữ hành tăng 21,8%. Đáng chú ý, tăng trưởng của hầu hết các nhóm dịch vụ đều cải thiện so với tháng 9. Lượng khách quốc tế cũng tăng lên khoảng 1,9 triệu lượt trong tháng 10, qua đó tiếp tục hỗ trợ các hoạt động lưu trú, ăn uống và du lịch.

Nhìn chung, tiêu dùng nội địa đang cho thấy sự cải thiện trở lại sau khi chậm lại trong tháng 9. Với mùa mua sắm và du lịch cuối năm đang đến gần, khu vực tiêu dùng được kỳ vọng tiếp tục đóng góp đáng kể vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ trong quý IV.

Tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng
| Đơn vị % - Nguồn: NSO, Kafi Research

Nhóm hàng	T3/26	T4/26	T5/26	T6/26	T7/26	T8/26	T9/26	T10/26
TỔNG SỐ	11.5	11.6	13.8	14.3	14.5	14.9	13.7	14.7
Bán lẻ hàng hóa	11.7	11.9	13.2	13.2	13.4	13.6	12.8	13.7
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	12.8	11.8	16.6	18.0	17.9	20.6	19.2	19.5
Du lịch lữ hành	16.9	4.0	13.2	24.2	27.8	24.1	17.3	21.8
Dịch vụ khác	8.3	10.2	15.1	17.0	16.4	15.7	14.0	15.7

Khách du lịch quốc tế
| Đơn vị: Lượt khách – Nguồn: NSO, Kafi Research



Thông tin liên hệ: research@kafi.vn

Lạm phát

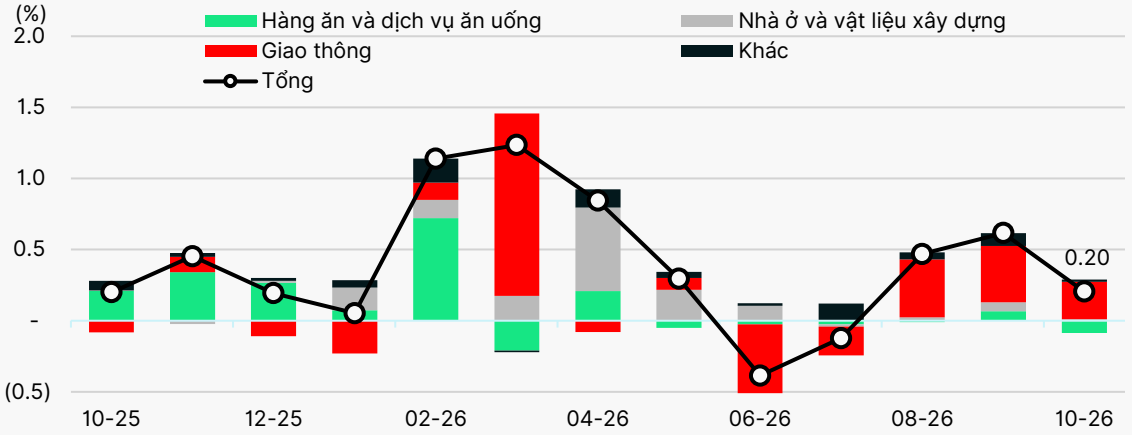
Áp lực lạm phát tiếp tục gia tăng, tuy nhiên mức tăng đã chậm lại

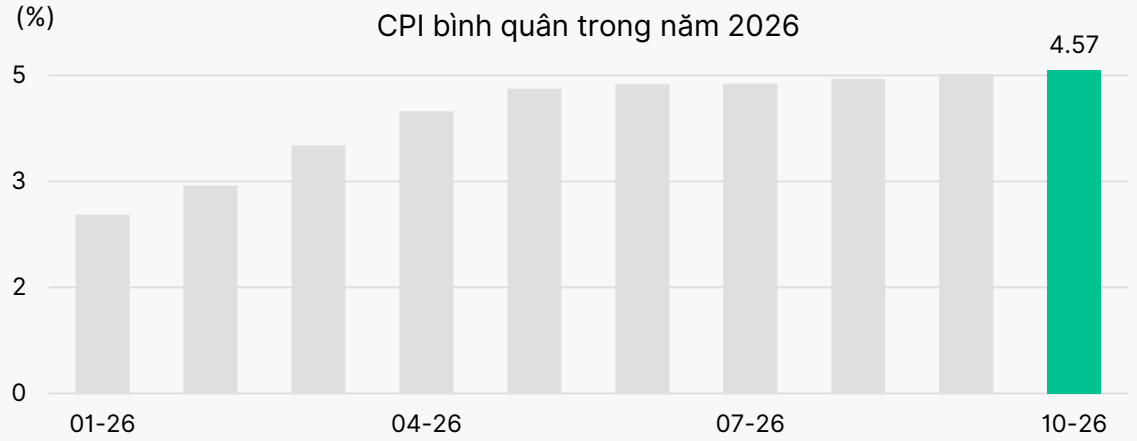
CPI tháng 10 tăng 0,20% so với tháng trước, thấp hơn đáng kể mức tăng 0,62% trong tháng 9, trong khi mức tăng so với cùng kỳ gần như đi ngang ở 5,09%. Bình quân 10 tháng, CPI tăng 4,57% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng 4,24% của lạm phát cơ bản, cho thấy áp lực giá trong thời gian qua vẫn chịu ảnh hưởng đáng kể từ các nhóm năng lượng và thực phẩm.

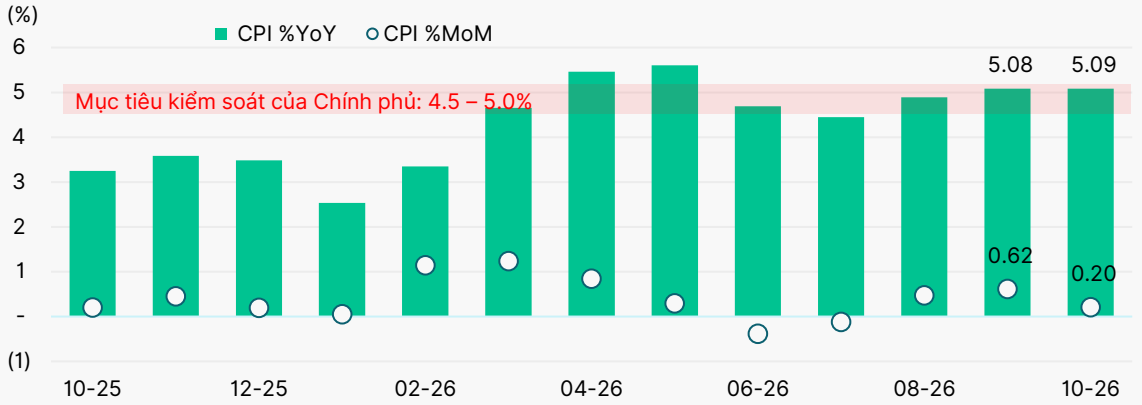
Áp lực tăng giá trong tháng chủ yếu đến từ nhóm giao thông, tăng 2,66% và đóng góp khoảng 0,27 điểm phần trăm vào CPI chung, khi giá xăng tăng 6,86% theo diễn biến giá nhiên liệu thế giới. Ở chiều ngược lại, hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,24%, trong đó giá thịt lợn và gạo cùng giảm nhờ nguồn cung cải thiện, trong khi văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,87%.

CPI theo cấu phần đóng góp và diễn biến lạm phát

| Đơn vị: % – Nguồn: NSO, Kafi Research







Nhóm hàng hóa	Trọng số (%)	% MoM	% YoY
Tổng	**100.00**	**0.20**	**5.09**
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	35.82	(0.24)	3.58
Đồ uống và thuốc lá	1.75	0.19	4.40
May mặc, mũ nón và giày dép	3.52	(0.06)	1.94
Nhà ở và vật liệu xây dựng	22.70	0.04	6.50
Thiết bị và đồ dùng gia đình	5.14	0.17	3.24
Thuốc và dịch vụ y tế	4.66	0.31	1.75
Giao thông	9.98	2.66	15.57
Bưu chính viễn thông	3.74	(0.18)	0.12
Giáo dục	5.96	0.31	2.74
Văn hoá, giải trí và du lịch	3.14	(0.87)	2.46
Đồ dùng và dịch vụ khác	3.58	0.27	5.65

Thông tin liên hệ: research@kafi.vn

Đầu tư công

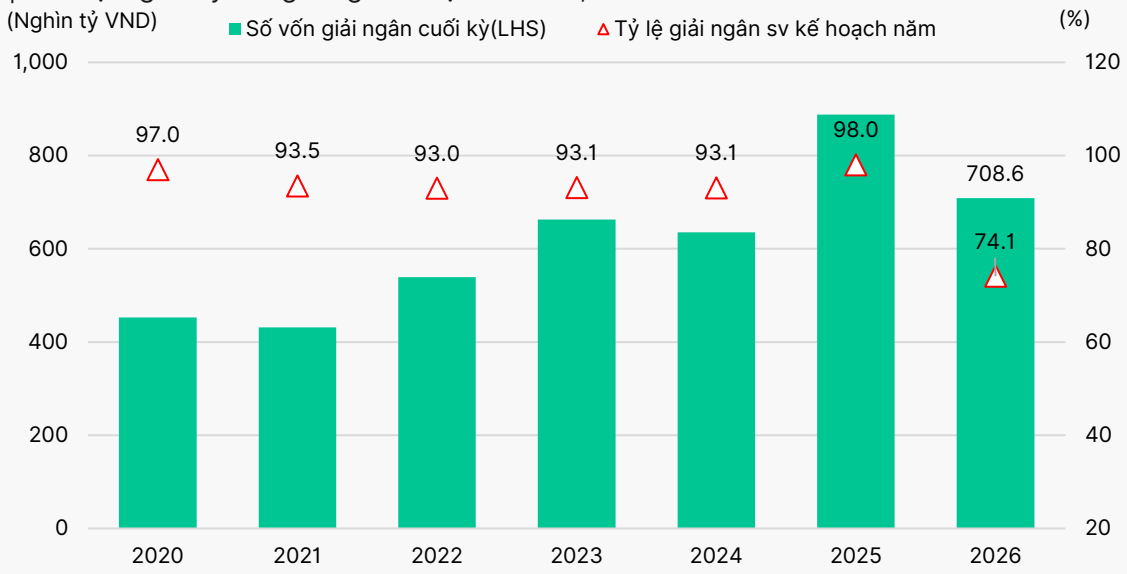
Tốc độ giải ngân tiếp tục được cải thiện, tuy nhiên áp lực hoàn thành kế hoạch năm vẫn lớn

Giải ngân đầu tư công tiếp tục được đẩy nhanh trong tháng 10, với giá trị thực hiện ước đạt khoảng 65,6 nghìn tỷ đồng, tăng 29,6% so với cùng kỳ. Qua đó, lũy kế giải ngân từ đầu năm đạt khoảng 708,6 nghìn tỷ đồng, tương đương 74,1% kế hoạch năm, cải thiện đáng kể so với mức 62,9% vào cuối tháng 9.

Tiến độ giải ngân tăng nhanh trong những tháng gần đây cho thấy dòng vốn đầu tư công đang dần được chuyển hóa thành khối lượng thi công thực tế, qua đó hỗ trợ hoạt động xây dựng và nhu cầu vật liệu trong quý IV. Tuy nhiên, với khoảng 25,9% kế hoạch vẫn chưa được thực hiện, áp lực giải ngân trong hai tháng cuối năm còn tương đối lớn, đặc biệt tại các dự án còn vướng mắc về giải phóng mặt bằng, nguồn vật liệu và tiến độ triển khai.

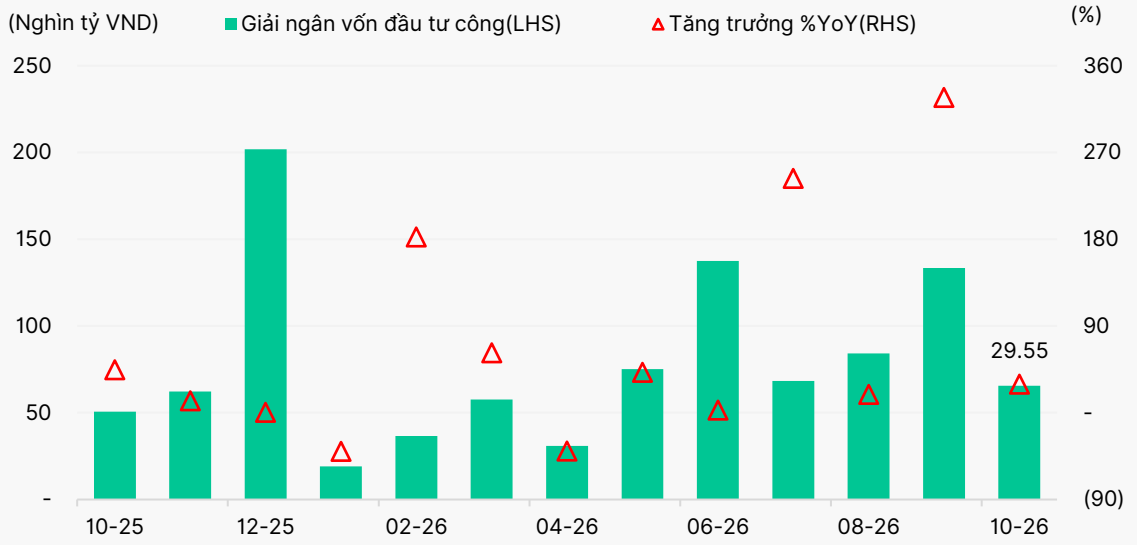
Tình hình giải ngân đầu tư công qua các năm

| Đơn vị: Nghìn tỷ đồng – Nguồn: Bộ Tài chính, Kafi Research



Tình hình giải ngân đầu tư công qua các tháng

| Đơn vị: Nghìn tỷ đồng – Nguồn: Bộ Tài chính, Kafi Research



Thông tin liên hệ: research@kafi.vn

Vốn đầu tư từ nguồn NSNN

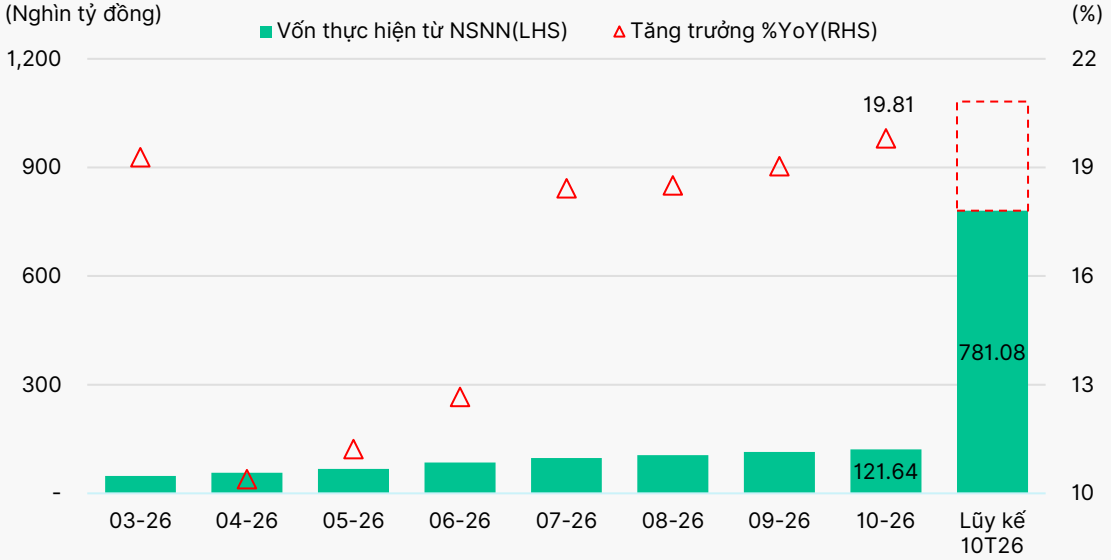
Khối lượng đầu tư từ ngân sách tiếp tục tăng nhanh trong tháng 10

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN tiếp tục tăng trong tháng 10, đạt khoảng 121,6 nghìn tỷ đồng và cao hơn 19,8% so với cùng kỳ năm trước. Qua đó, tổng vốn thực hiện trong 10 tháng đầu năm đạt khoảng 781,1 nghìn tỷ đồng, cho thấy khối lượng thi công tại các dự án sử dụng vốn ngân sách tiếp tục được đẩy nhanh khi bước vào quý cuối năm.

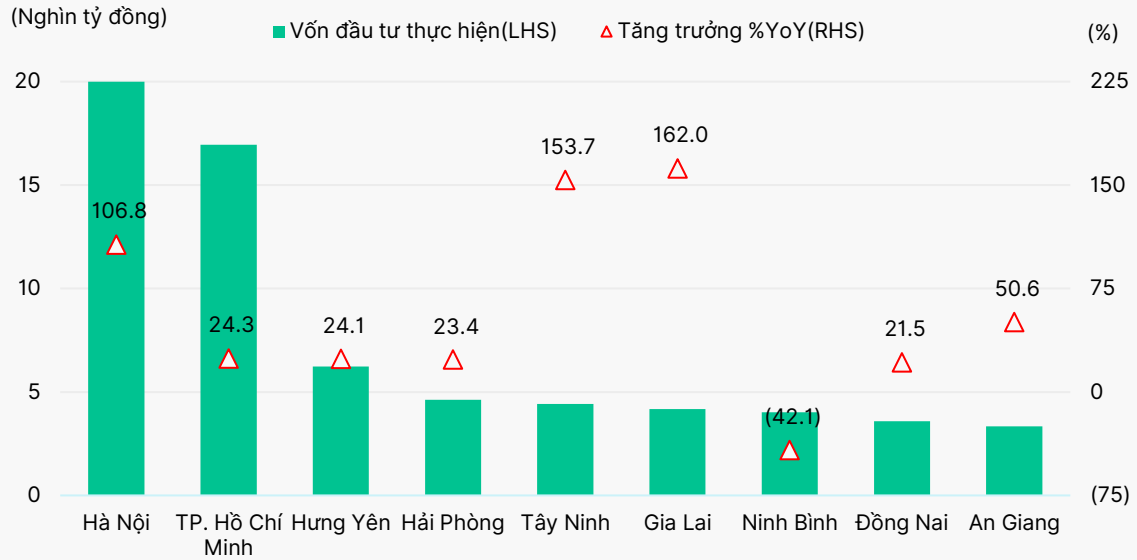
Đà tăng cũng diễn ra tại nhiều địa phương. Hà Nội ghi nhận gần 20 nghìn tỷ đồng vốn thực hiện trong tháng, tăng 106,8% so với cùng kỳ, trong khi TP. Hồ Chí Minh đạt gần 17 nghìn tỷ đồng và tăng 24,3%. Một số địa phương như Tây Ninh và Gia Lai ghi nhận mức tăng lần lượt 153,7% và 162,0%, cho thấy tốc độ triển khai đầu tư đã được cải thiện trên phạm vi tương đối rộng.

Diễn biến của vốn NSNN trong tháng 10 tiếp tục củng cố vai trò của chi đầu tư đối với tăng trưởng quý IV, đồng thời tạo thêm dòng tiền cho hoạt động xây dựng và các ngành có liên quan trực tiếp đến quá trình triển khai dự án.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN theo tháng và lũy kế 10T2026
| Đơn vị: Nghìn tỷ đồng, % – Nguồn: NSO, Kafi Research



Vốn đầu tư thực hiện tại một số tỉnh, thành phố trong tháng 10
| Đơn vị: Nghìn tỷ đồng – Nguồn: NSO, Kafi Research



Thông tin liên hệ: research@kafi.vn

Dòng vốn FDI

FDI tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng ở cả giải ngân và đăng ký

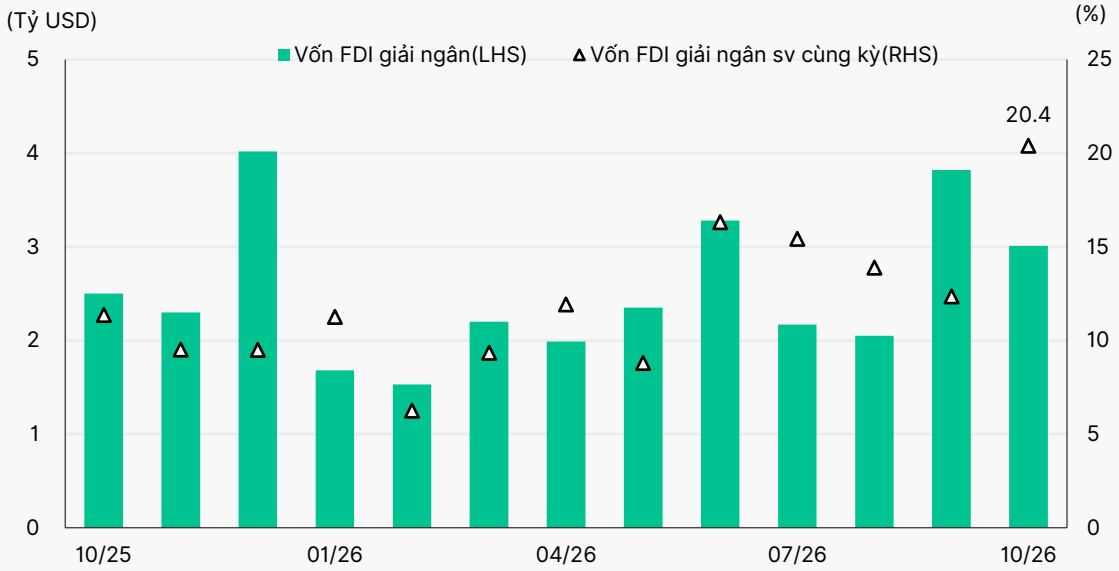
Dòng vốn FDI tiếp tục ghi nhận diễn biến tích cực trong tháng 10, đặc biệt ở phần vốn đã được đưa vào thực hiện. Cụ thể, vốn FDI giải ngân đạt khoảng 3,01 tỷ USD, tăng 20,4% so với cùng kỳ, qua đó đưa tổng vốn thực hiện trong 10 tháng đầu năm lên 24,08 tỷ USD, cao hơn 13,1% so với cùng kỳ năm trước.

Ở chiều đăng ký, tổng vốn bổ sung trong tháng đạt khoảng 4,49 tỷ USD, thấp hơn mức đột biến gần 9,7 tỷ USD của tháng 9 nhưng vẫn tăng 50,7% so với cùng kỳ. Lũy kế đến cuối tháng 10, tổng vốn FDI đăng ký đạt 54,85 tỷ USD, tăng 74,0% so với cùng kỳ.

Việc vốn đăng ký tiếp tục ở mức cao trong khi tốc độ giải ngân được cải thiện cho thấy dòng vốn FDI không chỉ tăng về quy mô cam kết mà đang từng bước chuyển thành vốn đầu tư thực tế. Đây là yếu tố hỗ trợ cho việc mở rộng năng lực sản xuất, đồng thời bổ sung nguồn cung ngoại tệ cho nền kinh tế trong giai đoạn cuối năm

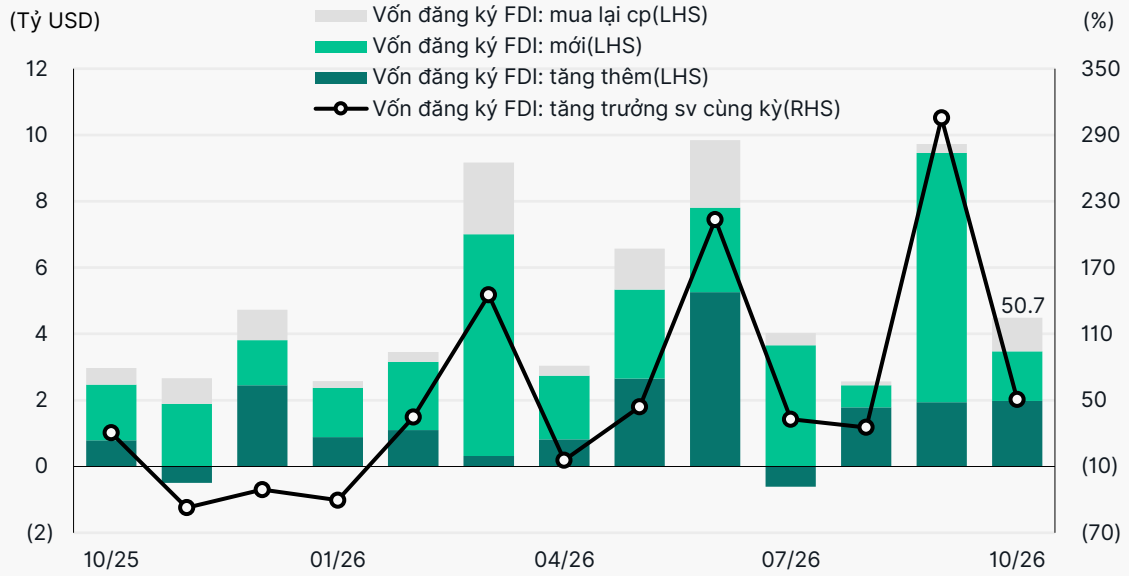
Vốn FDI giải ngân theo tháng

| Đơn vị: Tỷ USD, % – Nguồn: NSO, Kafi Research



Vốn FDI đăng ký theo tháng

| Đơn vị: Tỷ USD, % – Nguồn: NSO, Kafi Research



Thông tin liên hệ: research@kafi.vn

Cán cân thương mại

Cán cân thương mại cải thiện mạnh khi xuất khẩu tăng tốc

Hoạt động thương mại ghi nhận sự cải thiện đáng kể trong tháng 10 khi xuất khẩu tiếp tục tăng trong khi nhập khẩu giảm nhẹ so với tháng trước. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu đạt 64,97 tỷ USD, tăng 8,7% so với tháng 9, trong khi nhập khẩu giảm xuống 57,59 tỷ USD. Qua đó, cán cân thương mại ghi nhận mức xuất siêu 7,31 tỷ USD, cao hơn đáng kể mức thặng dư 1,27 tỷ USD của tháng trước và là mức cao nhất kể từ đầu năm.

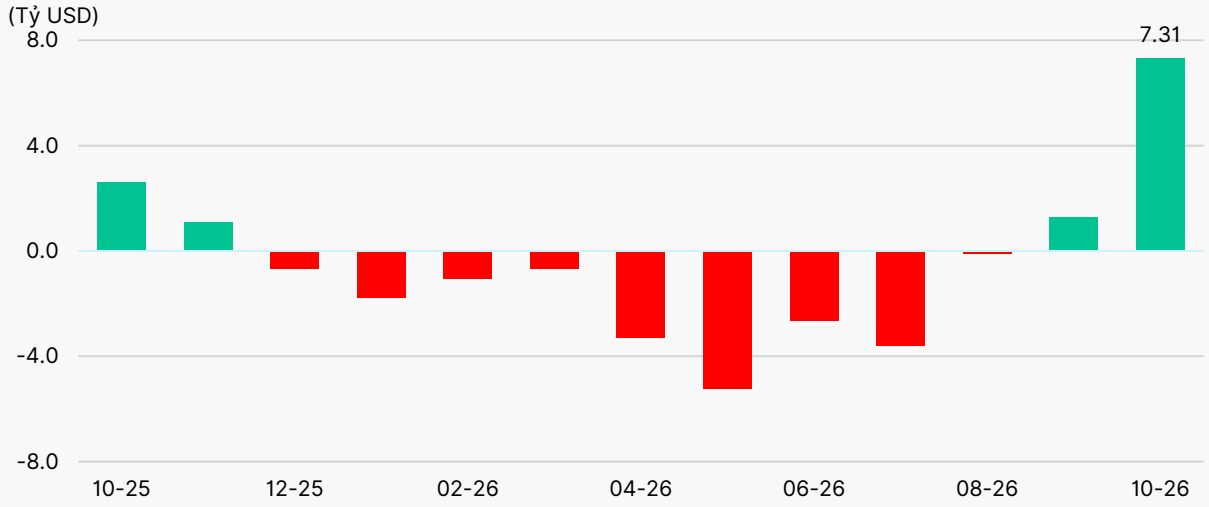
Lũy kế 10 tháng, xuất khẩu đạt 499,24 tỷ USD, tăng 27,5% so với cùng kỳ, trong khi nhập khẩu đạt 511,31 tỷ USD, tăng 37,4%. Mặc dù tốc độ tăng nhập khẩu vẫn cao hơn xuất khẩu, hai tháng xuất siêu liên tiếp đã giúp mức nhập siêu lũy kế thu hẹp xuống còn 12,07 tỷ USD vào cuối tháng 10.

Xét theo các thị trường lớn, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu quan trọng với mức tăng 42,8% so với cùng kỳ, trong khi xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 58,4%. Ở chiều nhập khẩu, Trung Quốc vẫn là nguồn cung lớn nhất và tăng 50,1%, phản ánh nhu cầu đối với máy móc, linh kiện và nguyên liệu đầu vào vẫn ở mức cao.

Sự cải thiện nhanh của cán cân thương mại giúp giảm đáng kể áp lực cầu ngoại tệ so với các tháng trước, đồng thời tạo thêm dư địa cho sự ổn định của tỷ giá trong giai đoạn cuối năm.

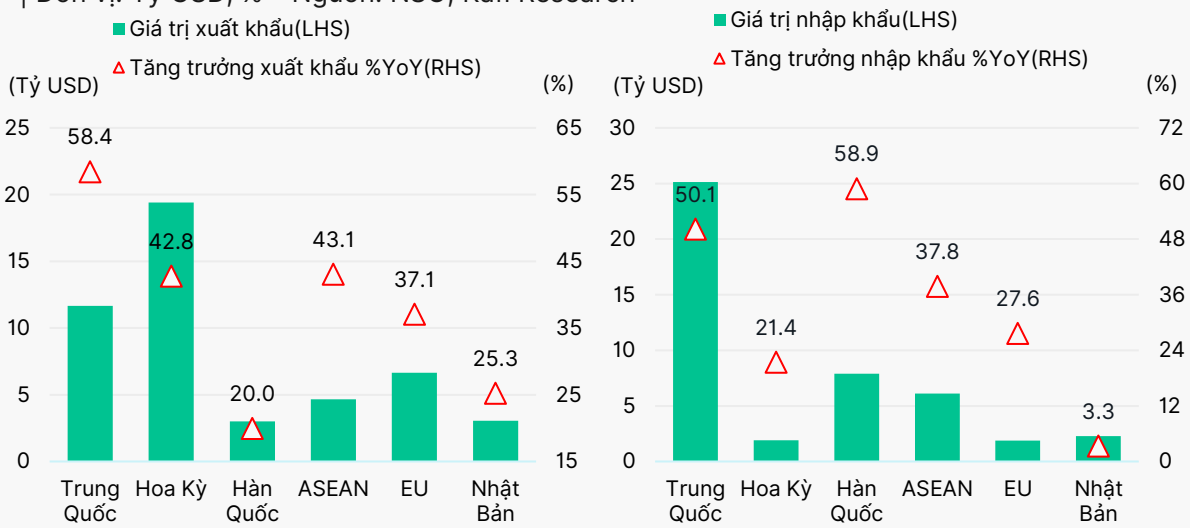
Diễn biến cán cân thương mại theo tháng

| Đơn vị: Tỷ USD – Nguồn: NSO, Kafi Research



Xuất/nhập khẩu hàng hóa theo các đối tác lớn

| Đơn vị: Tỷ USD, % – Nguồn: NSO, Kafi Research



Thông tin liên hệ: research@kafi.vn

Thị trường mở

NHNN tiếp tục rút ròng thanh khoản để mở rộng không gian chính sách trong giai đoạn cuối năm

Thanh khoản hệ thống ngân hàng nhìn chung ổn định hơn trong tháng 10, mặc dù lãi suất liên ngân hàng vẫn có những nhịp biến động tương đối mạnh. Tính chung trong tháng, NHNN bơm ròng khoảng 51,4 nghìn tỷ đồng nhưng có gần 78,6 nghìn tỷ đồng đáo hạn, tương ứng mức hút ròng khoảng 27,3 nghìn tỷ đồng. Qua đó, giá trị hợp đồng kỳ hạn đang lưu hành giảm từ khoảng 156 nghìn tỷ đồng cuối tháng 9 xuống còn 123,2 nghìn tỷ đồng vào cuối tháng 10.

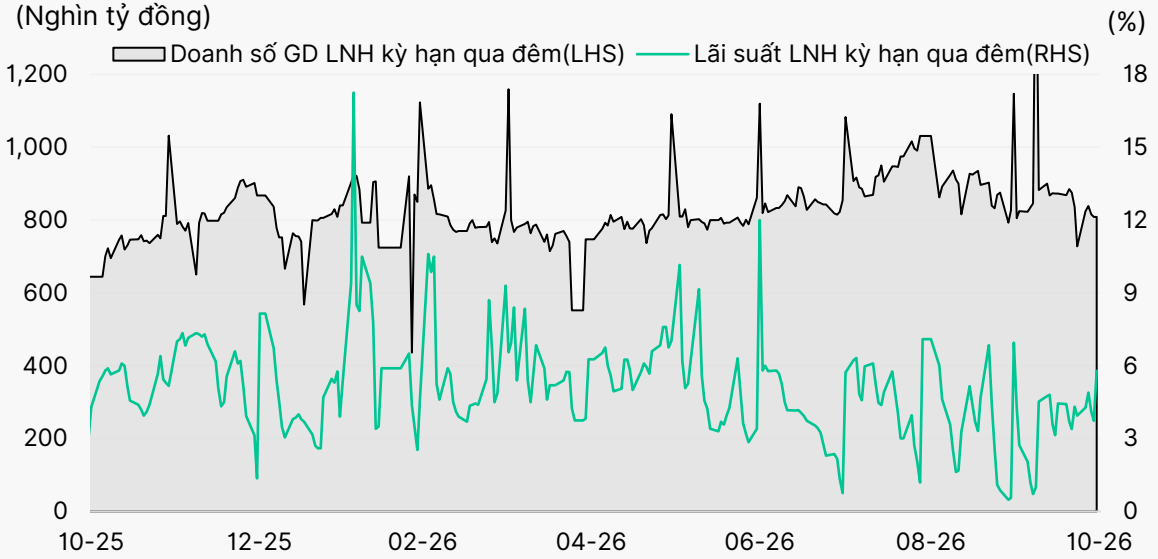
Đáng chú ý, sau giai đoạn chủ yếu để vốn đáo hạn trong phần lớn tháng, NHNN đã tăng trở lại quy mô hỗ trợ vào những phiên cuối kỳ. Riêng ngày 30/10, lượng bơm ròng đạt hơn 16 nghìn tỷ đồng, đưa giá trị hợp đồng kỳ hạn đang lưu hành tăng từ khoảng 90 nghìn tỷ đồng ngày 26/10 lên hơn 123 nghìn tỷ đồng vào cuối tháng.

Trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất qua đêm bình quân trong tháng ở khoảng 3,6%, thấp hơn đáng kể so với những thời điểm căng thẳng vào cuối tháng 9. Tuy nhiên, lãi suất tăng trở lại lên 5,79% vào ngày 30/10 cho thấy nhu cầu thanh khoản có xu hướng gia tăng khi bước vào giai đoạn cuối tháng.

Diễn biến trên cho thấy quan điểm điều hành thanh khoản của NHNN vẫn mang tính linh hoạt, với quy mô hỗ trợ được điều chỉnh theo nhu cầu vốn thực tế của hệ thống thay vì duy trì trạng thái bơm hoặc hút cố định.

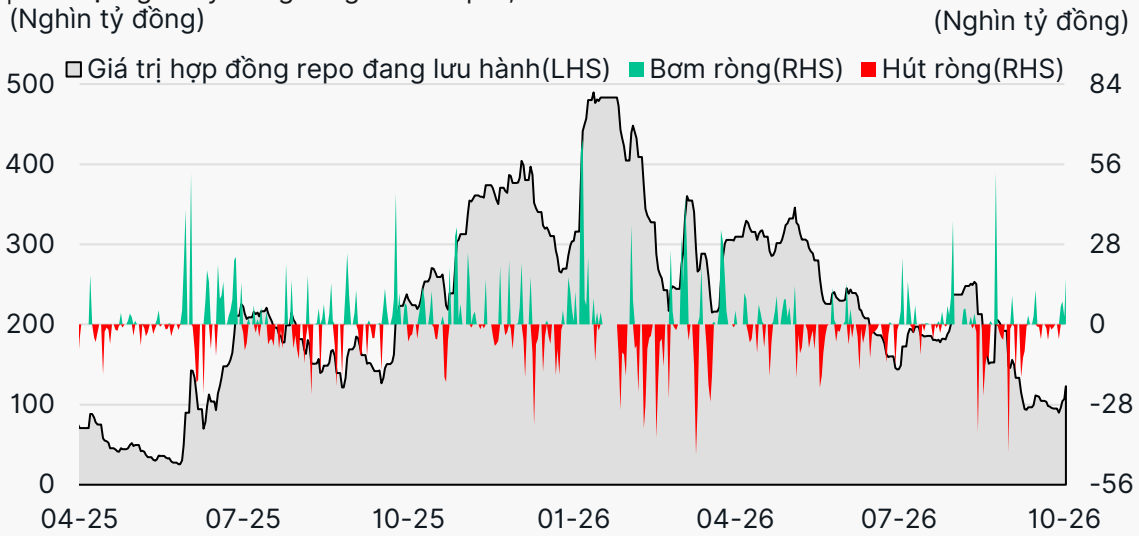
Thị trường liên ngân hàng

| Đơn vị: Nghìn tỷ đồng, % – Nguồn: Fiinpro, Kafi Research



Thị trường mở

| Đơn vị: Nghìn tỷ đồng – Nguồn: Fiinpro, Kafi Research



Thông tin liên hệ: research@kafi.vn

Tỷ giá

Áp lực tỷ giá tiếp tục hạ nhiệt khi cán cân thương mại được cải thiện

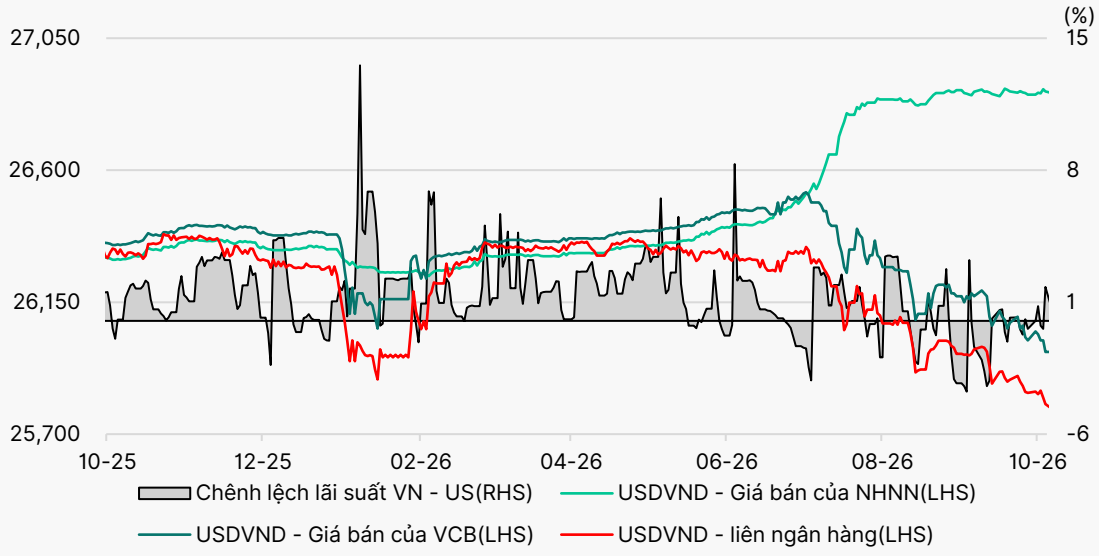
Tỷ giá USDVND tiếp tục xu hướng giảm trong tháng 10. Tại Vietcombank, giá bán USD giảm từ 26.160 cuối tháng 9 xuống 25.980 tháng 10, tương ứng mức giảm gần 0,7%. Trên thị trường liên ngân hàng, USDVND cũng giảm từ 25.968 xuống còn khoảng 25.802 trong cùng giai đoạn.

Diễn biến thuận lợi của tỷ giá diễn ra trong bối cảnh cán cân thương mại cải thiện mạnh, với mức nhập siêu lũy kế thu hẹp gần một nửa chỉ trong tháng 10. Bên cạnh đó, FDI giải ngân đạt hơn 3 tỷ USD trong tháng cũng góp phần bổ sung nguồn cung ngoại tệ. Chênh lệch lãi suất VND và USD dù biến động trong tháng đã chuyển sang mức dương khoảng 1,8 điểm phần trăm vào cuối tháng 10, qua đó tạo thêm hỗ trợ cho VND.

Nhìn chung, áp lực tỷ giá đã giảm đáng kể so với giai đoạn giữa năm khi nguồn cung ngoại tệ được cải thiện đồng thời từ thương mại và FDI. Tuy nhiên, nhu cầu ngoại tệ thường gia tăng vào cuối năm, trong khi diễn biến lãi suất quốc tế vẫn còn nhiều biến động, do đó USDVND nhiều khả năng vẫn tiếp tục biến động vào giai đoạn tới, đặc biệt khi các NHTW lớn bao gồm Fed đều được dự kiến sẽ nâng lãi suất vào cuối năm.

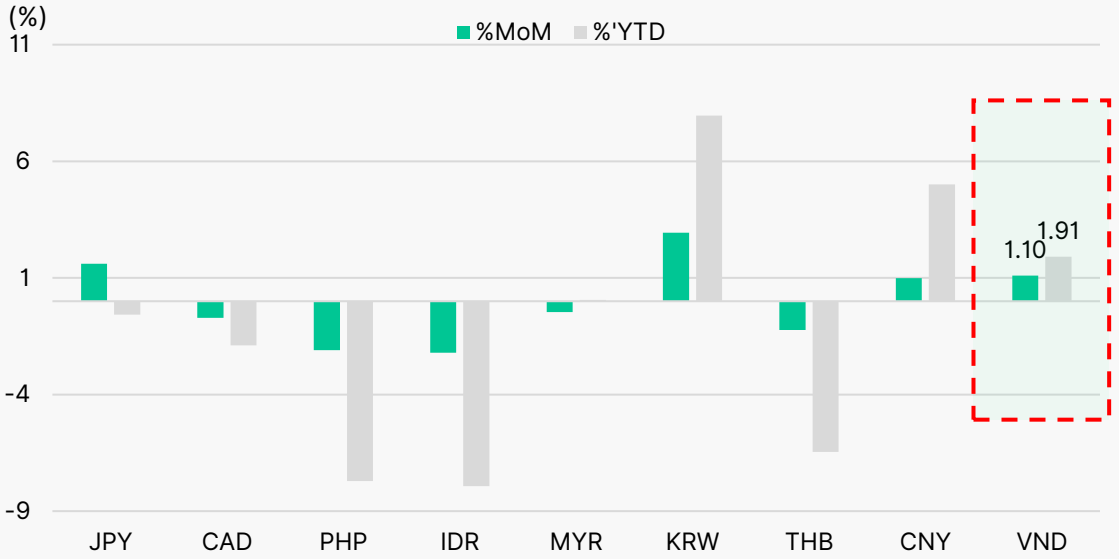
Diễn biến tỷ giá trong nước

| Đơn vị: USDVND – Nguồn: VCB, Fiinpro, FRED, NHNN, Kafi Research



Biến động của các đồng tiền toàn cầu

| Đơn vị: % – Nguồn: Bloomberg, Investing, Kafi Research



**Chênh lệch lãi suất VN – US là phần chênh lệch lãi suất qua đêm của Việt Nam và SOFR của Mỹ*

Thông tin liên hệ: research@kafi.vn

Tổng hợp các chỉ số vĩ mô

Cấu phần vĩ mô	Đơn vị	10-25	11-25	12-25	01-26	02-26	03-26	04-26	05-26	06-26	07-26	08-26	09-26	10-26
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	% MoM	2.4%	2.3%	2.2%	-0.2%	-18.5%	18.8%	3.0%	3.3%	3.5%	1.2%	1.5%	3.3%	2.3%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	% YoY	10.8%	10.8%	10.1%	21.5%	1.0%	6.9%	9.9%	8.8%	12.7%	14.5%	14.4%	16.7%	15.0%
Chỉ số nhà quản trị mua hàng PMI	Điểm	54.5	53.8	53.0	52.5	54.3	51.2	50.5	52.8	51.8	52.9	53.3	51.9	52.3
Tổng mức bán lẻ hàng hóa YTD	Triệu tỷ	5.8	6.4	7.0	0.6	1.3	1.9	2.5	3.2	3.9	4.5	5.2	5.9	6.6
Tăng trưởng bán lẻ lũy kế	% YoY	10.3%	10.0%	9.8%	7.7%	9.8%	10.4%	10.7%	11.3%	11.8%	12.2%	13.3%	12.7%	12.9%
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	% YoY	3.2%	3.6%	3.5%	2.5%	3.4%	4.7%	5.5%	5.6%	4.7%	4.4%	4.9%	5.1%	5.1%
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	% MoM	0.2%	0.5%	0.2%	0.1%	1.1%	1.2%	0.8%	0.3%	-0.4%	-0.1%	0.5%	0.6%	0.2%
Tổng giá trị xuất khẩu lũy kế	Tỷ USD	389.61	428.68	472.71	43.19	76.25	122.68	168.20	215.13	265.92	319.00	374.84	434.27	499.24
Giá trị xuất khẩu theo tháng	Tỷ USD	42.05	39.07	44.03	43.19	33.06	46.44	45.52	46.93	50.79	53.08	54.79	59.48	64.97
Tổng giá trị nhập khẩu lũy kế	Tỷ USD	371.11	409.09	453.78	44.97	79.08	126.19	174.99	227.13	280.56	337.23	395.30	453.72	511.31
Giá trị nhập khẩu theo tháng	Tỷ USD	39.45	37.98	44.69	44.97	34.10	47.11	48.80	52.14	53.43	56.67	54.91	58.21	57.59
Cán cân thương mại lũy kế	Tỷ USD	18.50	19.59	18.93	-1.78	-2.83	-3.51	-6.79	-12.00	-14.64	-18.23	-20.46	-17.07	-9.77
Cán cân thương mại theo tháng	Tỷ USD	2.60	1.09	-0.66	-1.78	-1.05	-0.68	-3.28	-5.21	-2.64	-3.59	-0.11	1.27	7.31
Tăng trưởng xuất khẩu lũy kế	% YoY	17.2%	17.1%	17.7%	30.5%	18.8%	19.5%	20.0%	19.7%	21.3%	22.0%	22.6%	24.7%	27.5%
Tăng trưởng nhập khẩu lũy kế	% YoY	19.0%	18.7%	19.6%	49.6%	26.1%	26.7%	28.2%	29.4%	32.2%	33.7%	35.3%	35.8%	37.4%

Nguồn: NSO, S&P Global, Kafi Research

Thông tin liên hệ: research@kafi.vn

Tổng hợp các chỉ số vĩ mô

Cấu phần vĩ mô	Đơn vị	10-25	11-25	12-25	01-26	02-26	03-26	04-26	05-26	06-26	07-26	08-26	09-26	10-26
FDI đăng ký lũy kế	Tỷ USD	31.52	33.69	38.42	2.58	6.03	15.20	18.24	24.81	34.65	38.06	40.63	50.36	54.85
FDI đăng ký theo tháng	Tỷ USD	2.98	2.17	4.73	2.58	3.45	9.17	3.04	6.57	9.84	3.41	2.57	9.73	4.49
FDI thực hiện lũy kế	Tỷ USD	21.30	23.60	27.62	1.68	3.21	5.41	7.40	9.75	13.03	15.20	17.25	21.07	24.08
FDI thực hiện theo tháng	Tỷ USD	2.50	2.30	4.02	1.68	1.53	2.20	1.99	2.35	3.28	2.17	2.05	3.82	3.01
Tăng trưởng FDI đăng ký lũy kế	% YoY	15.6%	7.4%	0.5%	-40.6%	-12.6%	42.9%	32.0%	35.0%	61.0%	58.0%	55.4%	76.5%	74.0%
Tăng trưởng FDI thực hiện lũy kế	% YoY	8.8%	8.9%	9.0%	11.3%	8.8%	9.0%	9.8%	9.6%	11.2%	11.8%	12.0%	12.1%	13.1%
Tỷ giá ngoại tệ (VCB bán)	USD/VND	26,347	26,412	26,377	26,110	26,230	26,357	26,368	26,395	26,466	26,490	26,260	26,160	25,980
Tăng trưởng tín dụng	% YTD	15.1%	15.6%	19.0%	N/A	1.4%	3.2%	4.4%	5.7%	7.7%	8.9%	9.1%	10.9%	12.6%
Lãi suất huy động trung bình	%/năm	4.9%	4.9%	5.0%	5.1%	5.2%	5.5%	5.6%	5.7%	5.9%	6.0%	6.0%	6.0%	6.0%
Lãi suất cho vay trung bình	%/năm	9.0%	8.9%	9.0%	9.3%	9.4%	9.7%	10.0%	10.1%	10.5%	10.5%	10.5%	10.5%	10.5%

Nguồn: NSO, VCB, Fiinpro-X, Kafi Research

Tổng hợp các văn bản được ban hành trong tháng 10

Văn bản	Lĩnh vực	Ngày ban hành	Nội dung chính
NĐ 377/2026/NĐ-CP	PPP, đầu tư	1/10/2026	Điều chỉnh lộ trình số hóa PPP: từ 01/01/2027 đề xuất dự án PPP phải nộp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; từ 01/09/2027 lựa chọn nhà đầu tư PPP đấu thầu rộng rãi thực hiện qua mạng.
NĐ 378/2026/NĐ-CP	Đô thị, khu thương mại tự do	1/10/2026	Hoàn thiện khung phát triển đô thị; quy định điều kiện thành lập khu thương mại tự do, trong đó quy mô tối thiểu 1.000 ha và phải đáp ứng yêu cầu về vị trí, hạ tầng kết nối.
NĐ 382/2026/NĐ-CP	Ngân hàng, Fintech	6/10/2026	Nới và đơn giản hóa cơ chế sandbox ngân hàng: mở rộng phương thức nộp hồ sơ, khai thác dữ liệu quốc gia thay giấy tờ, giảm một số thành phần hồ sơ và nới điều kiện nhân sự Fintech.
QĐ 1954/QĐ-TTg	Dược phẩm, hóa dược	8/10/2026	Phát triển công nghiệp hóa dược; đến 2030 hướng tới đáp ứng khoảng 20% nhu cầu nguyên liệu thuốc trong nước, xây dựng trung tâm R&D và thúc đẩy sản xuất API, tá dược trong nước.
NĐ 384/2026/NĐ-CP	Xuất xứ, sản xuất	9/10/2026	Thiết lập tiêu chí xác định xuất xứ Việt Nam cho hàng lưu thông trong nước; hàng không thuần túy có thể đáp ứng tiêu chí hàm lượng giá trị Việt Nam tối thiểu 30%. Có hiệu lực 01/01/2027.
NQ 321/NQ-CP	APEC 2027, hạ tầng	9/10/2026	Triển khai cơ chế đặc thù tháo gỡ thủ tục quy hoạch, đất đai, PPP, xây dựng và khoáng sản cho các dự án phục vụ APEC 2027 tại Phú Quốc.
QĐ 1989/QĐ-TTg	Nợ công, TPCP	15/10/2026	Điều chỉnh Chiến lược nợ công đến 2030; giữ trần nợ công ≤60% GDP, ưu tiên vốn vay cho hạ tầng và dự án lan tỏa, hướng tới xếp hạng tín nhiệm quốc gia mức đầu tư.
70/CĐ-TTg	Giá cả, lạm phát	15/10/2026	Tăng cường điều hành giá cuối năm, theo dõi sát năng lượng và hàng thiết yếu; là bước chính sách dẫn tới các biện pháp giảm giá xăng và điện cuối tháng.
CV 9736/NHNN-CSTT	Ngân hàng, lãi suất	21/10/2026	Yêu cầu các NHTM giảm thực chất lãi suất huy động và cho vay; tối thiểu giảm 0,5 điểm % lãi suất tiền gửi bình quân giao dịch mới kỳ hạn ≥6 tháng trong các tháng cuối năm. NHNN có thể giảm room tín dụng đối với ngân hàng không thực hiện.
NĐ 396/2026/NĐ-CP	Carbon, môi trường	26/10/2026	Điều chỉnh khung giảm phát thải khí nhà kính; phân cấp việc cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải và tín chỉ carbon, hỗ trợ vận hành thị trường carbon.
Chỉ đạo 27/10 về giá xăng, điện	Giá cả, năng lượng	27/10/2026	Chính phủ yêu cầu xây dựng phương án đưa thuế TTĐB xăng về 0% và yêu cầu EVN tiết giảm chi phí để giảm giá bán lẻ điện từ 01/11/2026, nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và giảm áp lực lạm phát.
NĐ 398/2026/NĐ-CP	Thuế, hỗ trợ doanh nghiệp	29/10/2026	Giảm 30% thuế TNCN đối với cá nhân kinh doanh và 30% thuế TNDN đối với doanh nghiệp có doanh thu ≤10 tỷ đồng/năm, áp dụng cho kỳ tính thuế 2026–2027.
NQ 45/2026/NQ-CP	Xăng dầu, thuế, lạm phát	31/10/2026	Đưa thuế TTĐB đối với xăng về 0% từ 01/11/2026 đến hết 31/03/2027 nhằm hỗ trợ giá nhiên liệu và giảm áp lực CPI.

Nguồn: vanban.chinhphu.vn, Kafi Research

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI ("KAFI"). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố theo nhận thức tốt nhất của KAFI. KAFI không chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ hay tính cập nhật của những thông tin này. Một số đường dẫn báo cáo này có thể liên kết với những trang web khác do các bên thứ ba quản lý, không thuộc quyền kiểm soát của KAFI. KAFI không đưa ra phát biểu nào về tính chính xác hoặc về bất kỳ khía cạnh nào khác của những thông tin đăng tải trên các trang web đó.

Các quan điểm, khuyến nghị trong báo cáo này được KAFI đưa ra sau khi xem xét kỹ càng, cẩn thận và dựa trên nhận thức tốt nhất cũng như trên cơ sở nỗ lực đem lại một quan điểm mang tính chất tham khảo cho nhà đầu tư. Những quan điểm, khuyến nghị này có thể thay đổi mà KAFI không cần thông báo trước hay có trách nhiệm cập nhật liên tục các thay đổi này.

Không một thông tin cũng như khuyến nghị nào trong báo cáo này được trình bày nhằm mục đích mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Việc sử dụng bất kỳ nội dung, thông tin nào trong báo cáo này sẽ do các nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu hoàn toàn trách nhiệm và rủi ro. Các nhà đầu tư cần hiểu rõ kết quả đầu tư có thể phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khách quan và hoàn toàn nằm ngoài khả năng nhận biết, dự đoán hoặc kiểm soát của KAFI. Do vậy, các nhà đầu tư nên xem xét mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về vấn đề tài chính, thuế, pháp lý và các khía cạnh khác trước khi thực hiện giao dịch đối với bất kỳ chứng khoán nào của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này.

KAFI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào phát sinh từ hoặc liên quan đến các sai sót, bỏ sót hoặc hệ quả nào từ việc sử dụng các thông tin, áp dụng các khuyến nghị trong báo cáo này. Trong mọi trường hợp, KAFI cùng các đơn vị hợp danh hoặc pháp nhân hoặc thành viên, đại lý hoặc nhân viên của KAFI sẽ không chịu trách nhiệm đối với các nhà đầu tư hoặc bất kỳ tổ chức, cá nhân nào từ bất kỳ quyết định hoặc hành động nào được thực hiện dựa vào những thông tin, khuyến nghị trong báo cáo này hoặc bất kỳ thiệt hại mang tính hệ quả, cụ thể hoặc thiệt hại tương tự thậm chí trong trường hợp KAFI đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại đó.

Báo cáo này là sản phẩm thuộc quyền sở hữu của KAFI, không bên nào được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông (toàn bộ hoặc một phần) nội dung báo cáo mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KAFI.

Thông tin liên hệ: research@kafi.vn